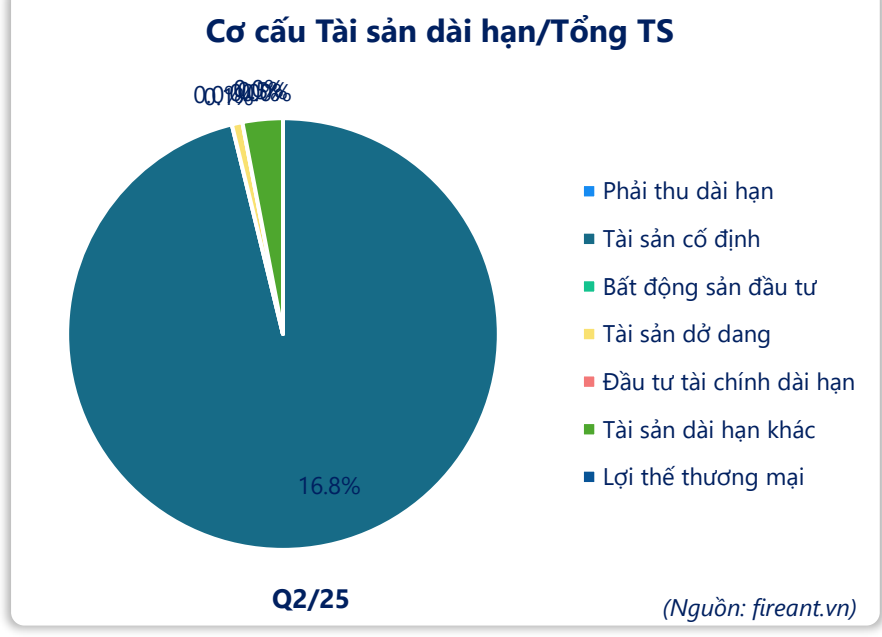
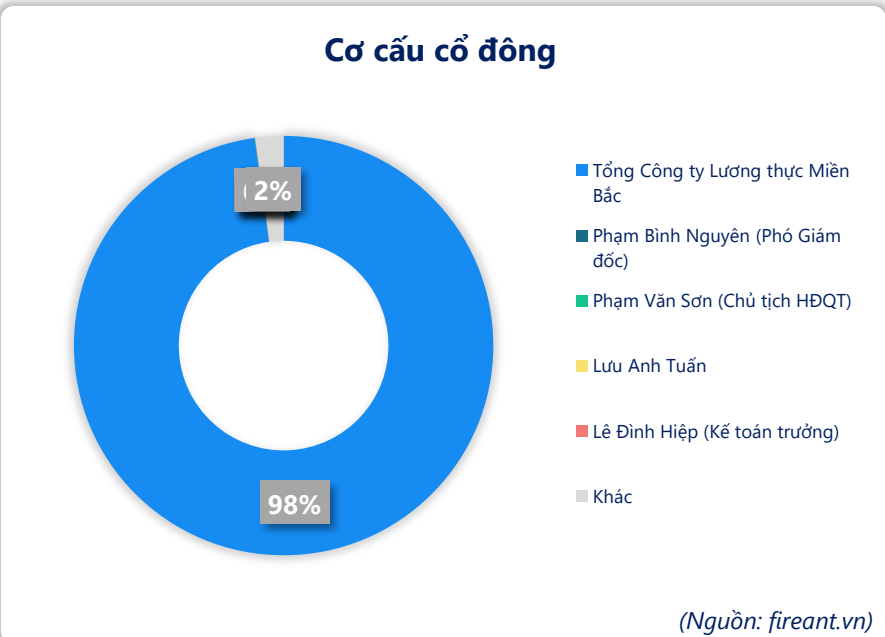
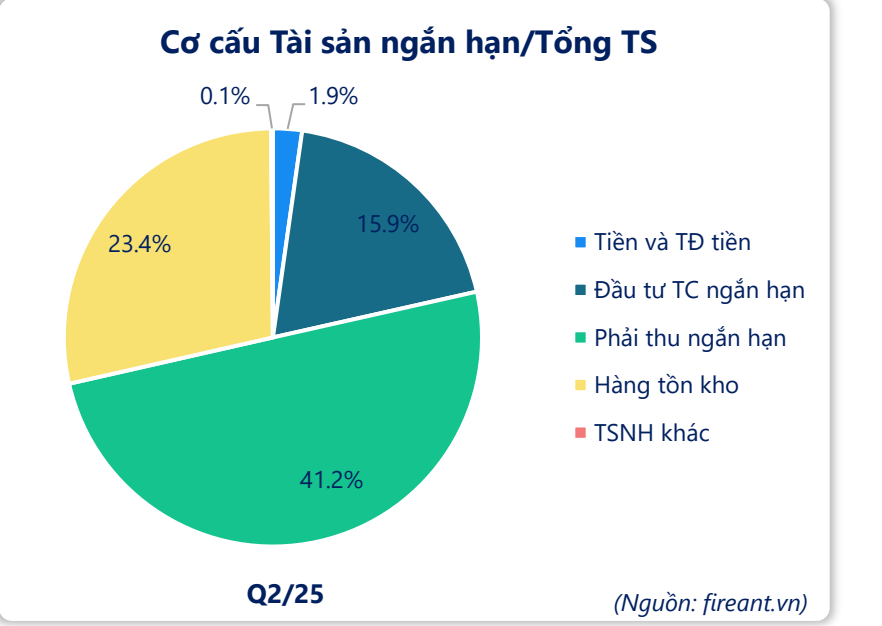
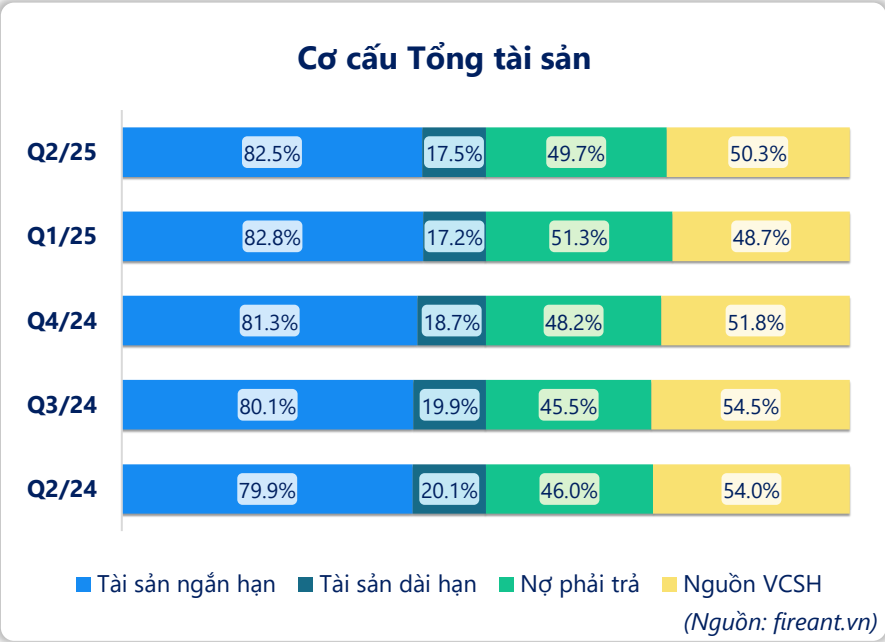
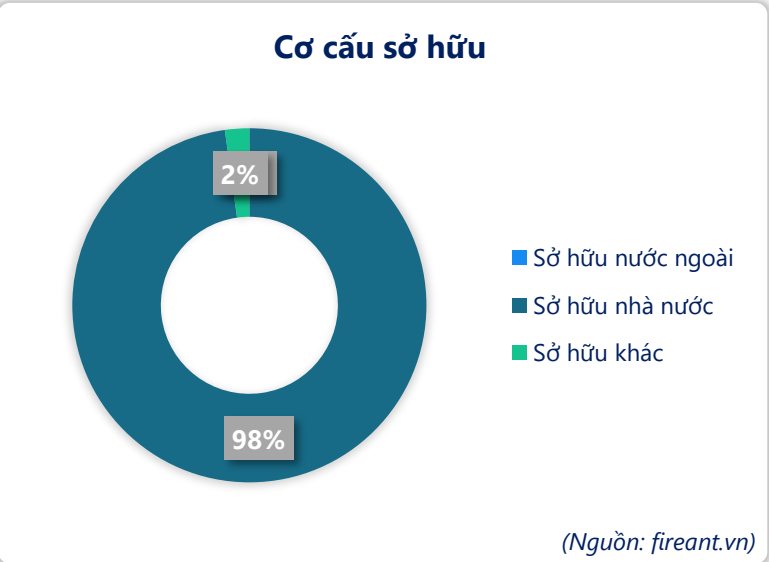
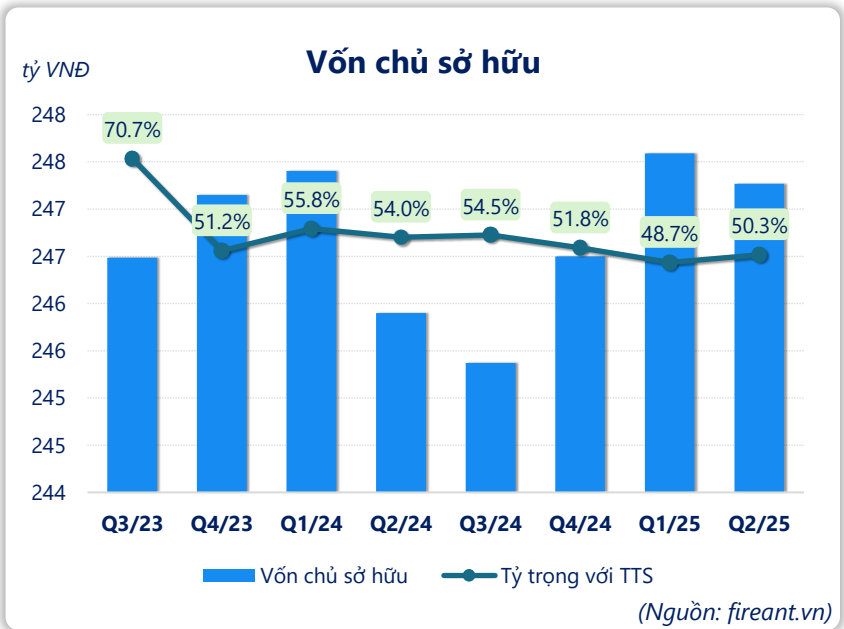
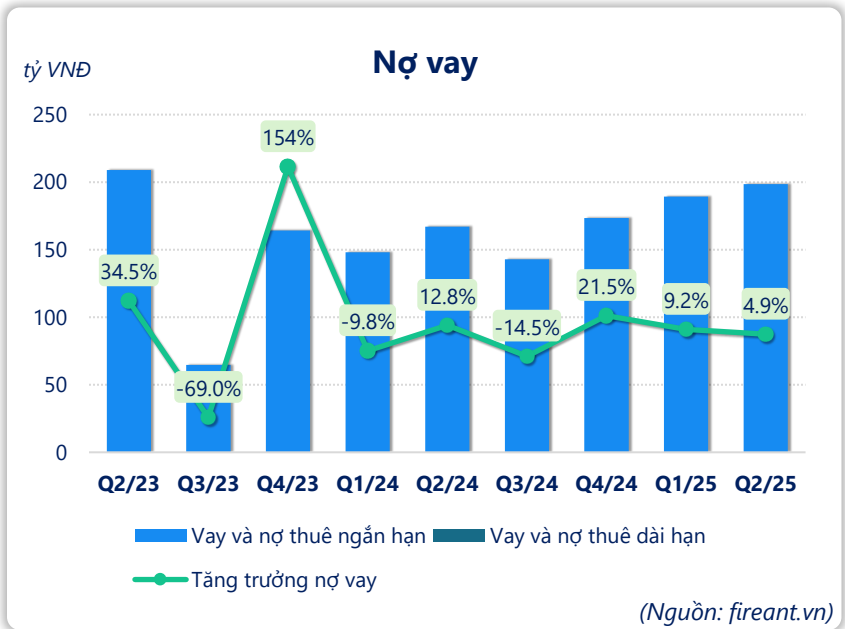
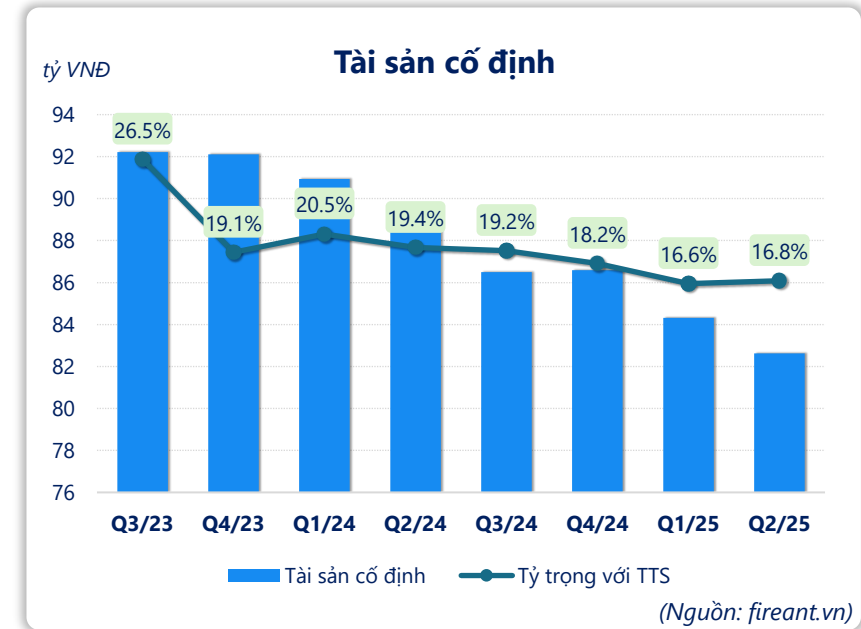
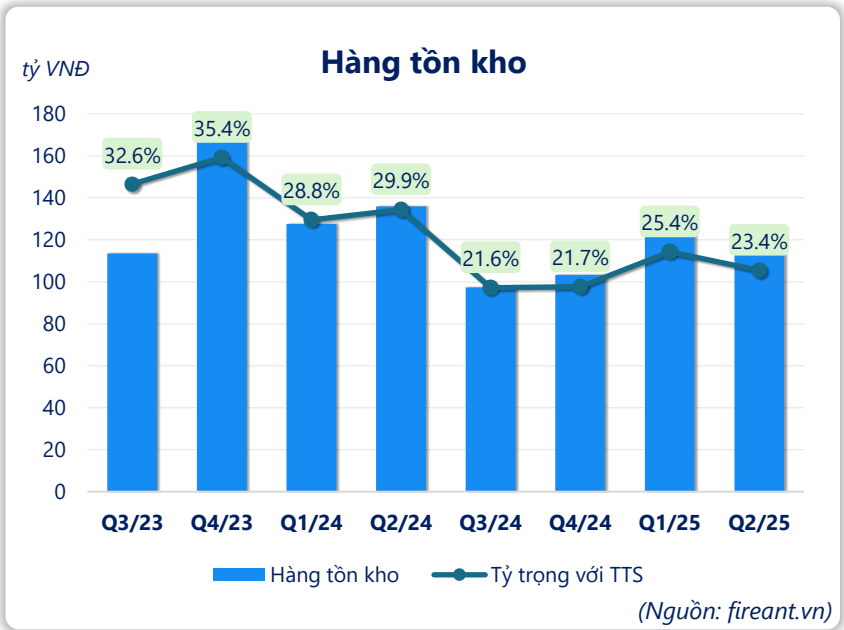
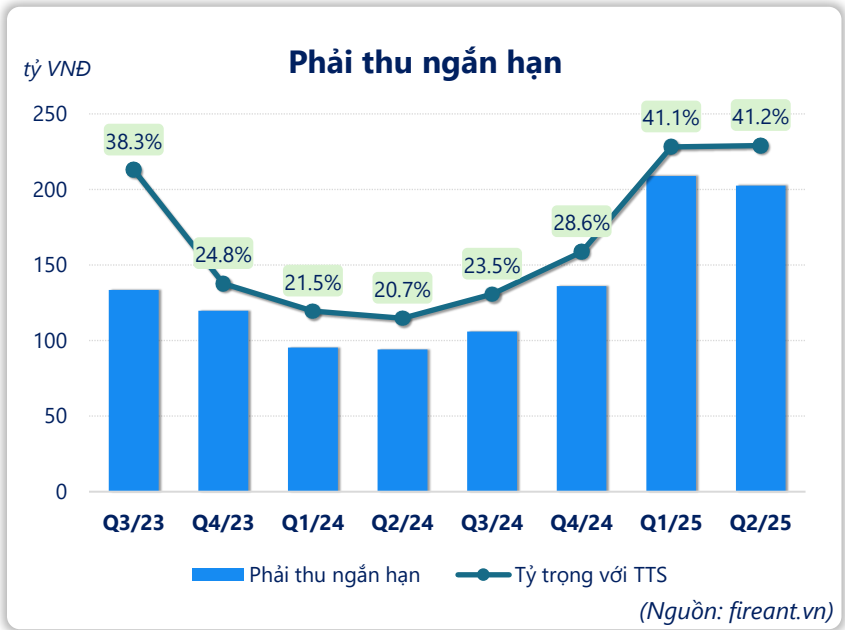
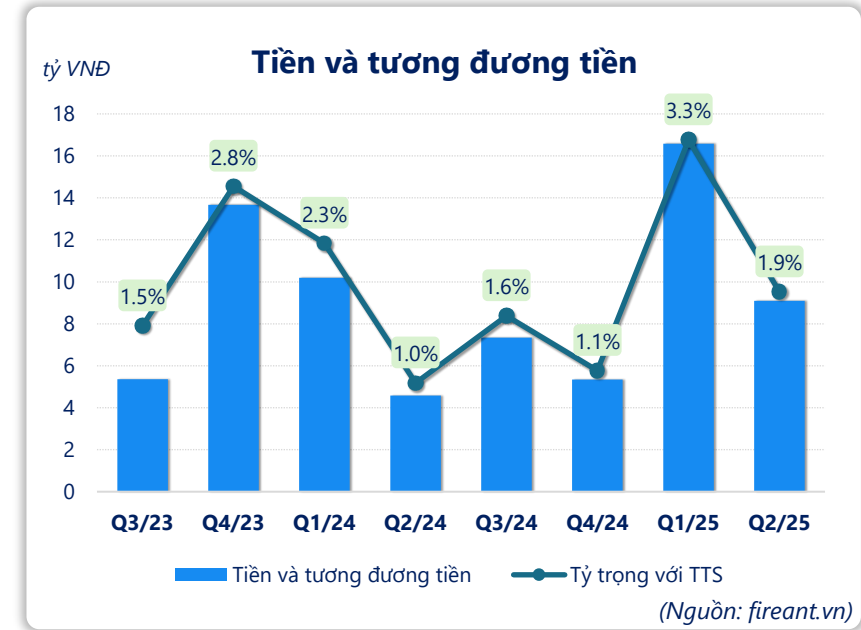
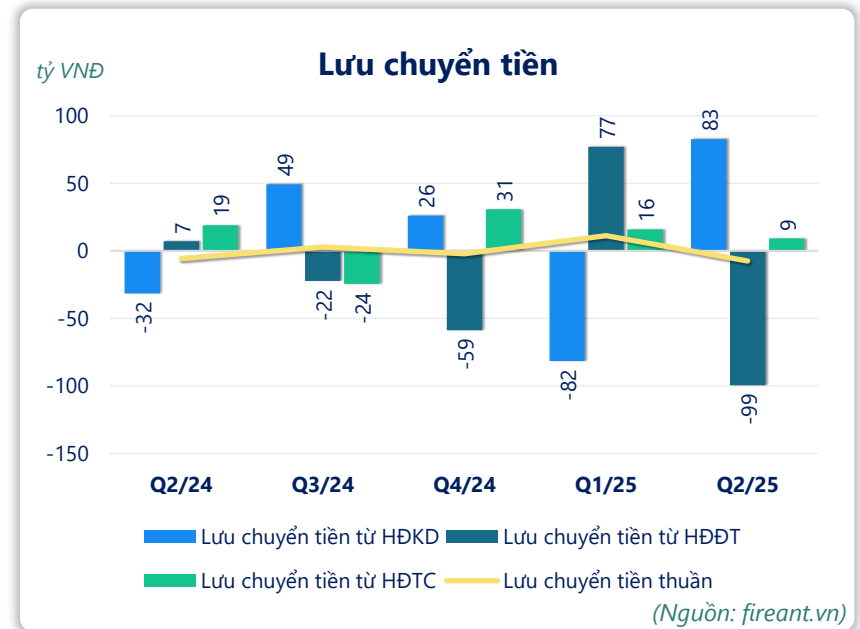
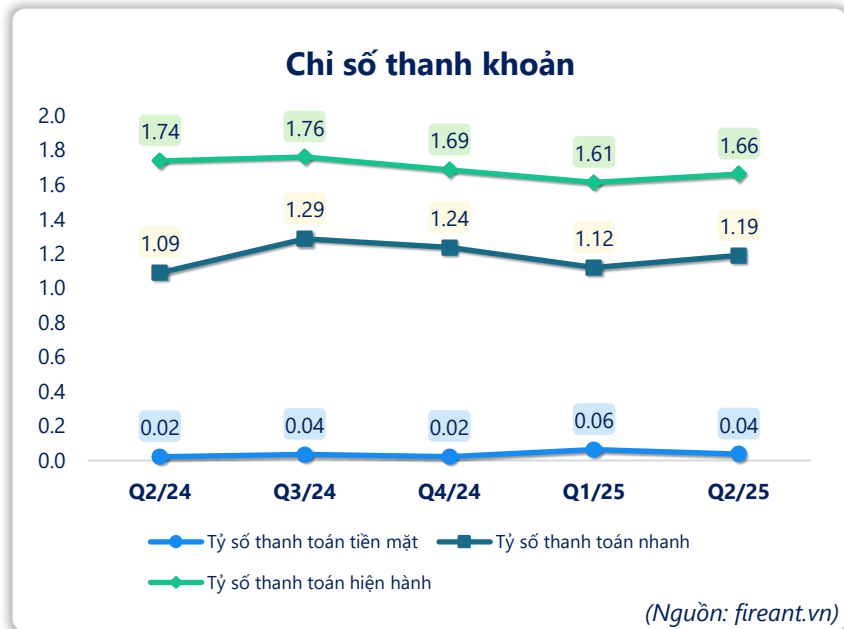
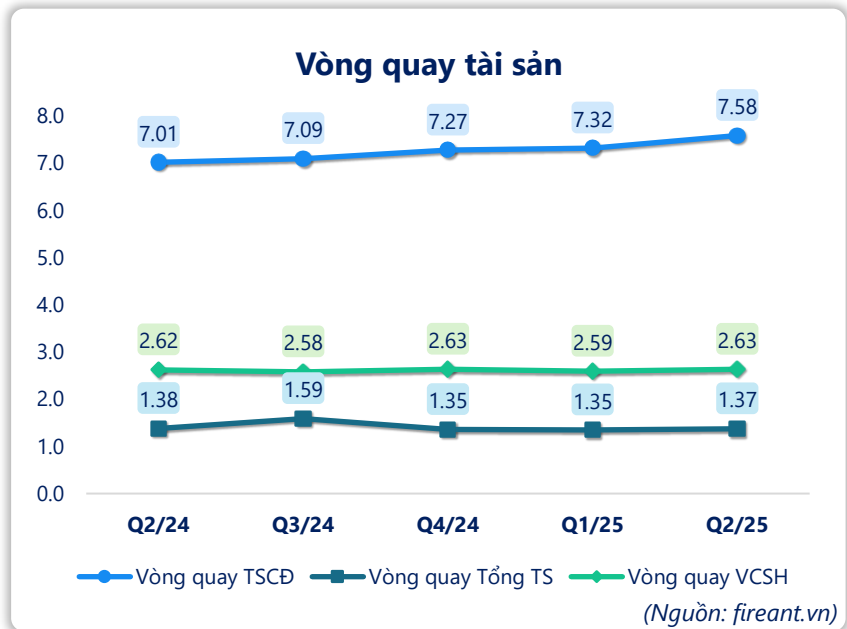
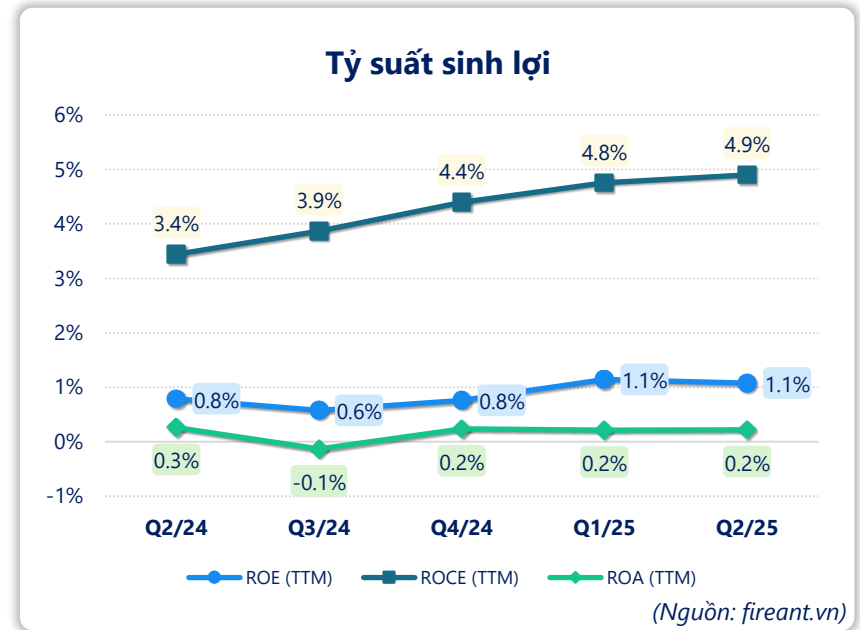
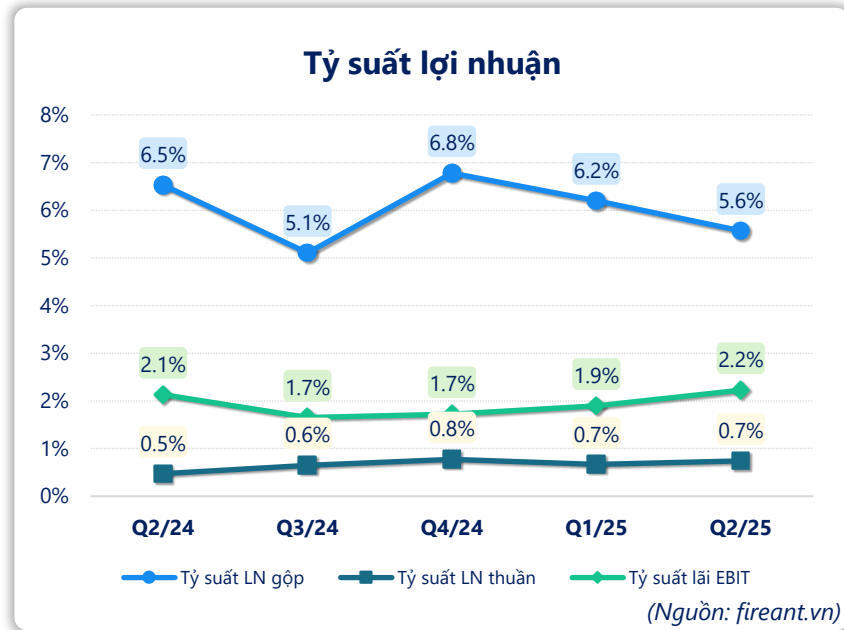
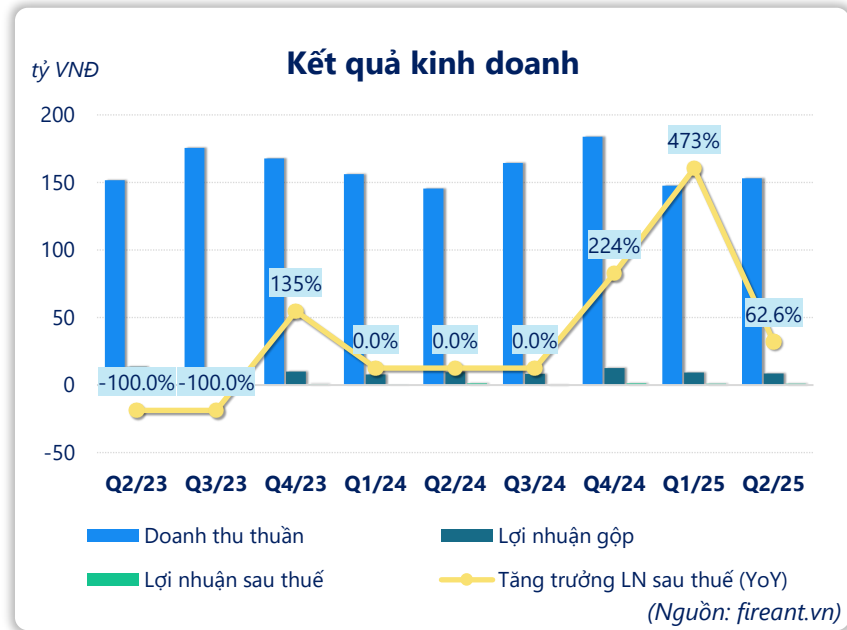


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,951
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,300
SL cổ phiếu LH		24,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		133
P/E		50.0
EPS		110

	YTD	1T	3T	6T
BMV	-28.6%	0.0%	-21.4%	-28.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	491	476	3.1%
Tài sản ngắn hạn	405	387	4.7%
Tiền và tương đương tiền	9.09	5.35	70.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	78.0	142	-44.9%
Phải thu ngắn hạn	203	136	48.7%
Hàng tồn kho	115	103	11.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.60	0.58	3.2%
Tài sản dài hạn	85.9	89.3	-3.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	82.6	86.6	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.68	0.53	29.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.59	2.15	20.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	244	230	6.2%
Nợ ngắn hạn	244	230	6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	199	173	14.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.1	40.7	-38.4%
Nợ dài hạn	0.16	0.11	45.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	247	247	0.3%
Vốn chủ sở hữu	247	247	0.3%
Vốn điều lệ	242	242	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	145	164	184	147	153
Giá vốn hàng bán	136	156	171	138	145
Lợi nhuận gộp	9.50	8.39	12.5	9.14	8.52
Doanh thu HĐTC	1.61	1.99	2.04	2.36	2.79
Chi phí TC	2.26	1.56	2.03	2.01	2.37
Chi phí lãi vay	1.72	1.55	1.45	1.53	2.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.50	3.41	5.14	3.85	3.30
Chi phí QLDN	4.67	4.35	5.91	4.66	4.51
LN thuần từ HĐKD	0.69	1.07	1.42	0.98	1.13
Lợi nhuận khác	0.69	0.10	0.29	0.28	0.18
LN trước thuế	1.38	1.16	1.72	1.27	1.31
Lợi nhuận sau thuế	1.21	-0.53	1.13	1.01	1.05
LNST của CĐ cty mẹ	1.21	-0.53	1.13	1.01	1.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-31.6	49.3	26.1	-81.6	82.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.04	-22.2	-58.8	76.9	-99.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.9	-24.3	30.7	15.9	9.22
Tiền đầu kỳ	10.2	4.58	7.34	5.35	16.6
Lưu chuyển tiền thuần	-5.61	2.82	-2.04	11.2	-7.49
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.06	0.05	0	0.01
Tiền cuối kỳ	4.58	7.34	5.35	16.6	9.09

(Nguồn: fireant.vn)